

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36%) tại thôn Thị Long, xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn nâng công suất từ 90.000 m³ lên 220.000 m³/năm) của Công ty TNHH Một thành viên DHT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020 của Chính phủ về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 1248/QĐ-UBND ngày 08/4/2019; số 4791/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư/điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đất san lấp và khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36%) tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa cho Công ty TNHH một thành viên DHT; Văn bản số 12130/UBND-CN ngày 21/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương lập hồ sơ nâng công suất khai thác tại mỏ đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống;

Xét Văn bản số 7718/STNMT-BVMT ngày 23/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án khai thác mỏ đất san lấp tại xã Trượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Một thành viên DHT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1801/Tr-STNMT ngày 28/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO_2 trung bình 79,36%) tại thôn Thị Long, xã Tượng Sơn, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn nâng công suất từ 90.000 m³ lên 220.000 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Một thành viên DHT (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Công với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO_2 trung bình 79,36%) tại thôn Thị Long, xã Tượng Sơn, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn nâng công suất từ 90.000 m³ lên 220.000 m³/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Một thành viên DHT (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Nông Công, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên DHT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Tượng Sơn (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36%) tại thôn Thị Long, xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn nâng công suất từ 90.000 m³ lên 220.000 m³/năm) của Công ty TNHH Một thành viên DHT

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm (đá cát kết có hàm lượng SiO₂ trung bình 79,36%) tại thôn Thị Long, xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn nâng công suất từ 90.000 m³ lên 220.000 m³/năm).

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên DHT

+ Người đại diện: Đâu Văn Tuấn; Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ liên hệ: Nhà ông Đâu Văn Dênh, thôn Thượng, xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Diện tích sử dụng đất khoảng 55.000 m². Ranh giới tọa độ khu vực cụ thể như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000	
	(Kinh tuyến trục 105 ⁰⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X(m)	Y(m)
1	2161 526.00	573 326.00
2	2161 533.00	573 171.00
3	2161 452.73	573 118.15
4	2161 269.00	573 064.00
5	2161 374.00	573 416.05

- Công suất khai thác: 220.000 m³/năm.

- Thời gian khai thác: 02 năm 02 tháng (bao gồm cả thời gian xây dựng các hạng mục công trình phục vụ khai thác: 01 tháng).

1.3. Công nghệ khai thác

- Công nghệ khai thác: Mở khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, bóc xúc bằng máy xúc và vận chuyển bằng ô tô.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: Bóc tầng phủ → bóc xúc → vận chuyển đất đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình chính:

a. Các hạng mục công trình hiện hữu

- Các hạng mục công trình chính: Tuyến đường nội mỏ 5.520 m² (dài 690m x rộng 8m); Đường giao thông ngoài mỏ 8.960 m² (dài 1.120m x rộng 8m); San gạt mặt bằng sân công nghiệp 1.200 m² (dài 50m x rộng 24m); Tạo tầng công tác ban đầu 3.800 m² (dài 95m x rộng 40m);

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Bãi thải có diện tích 560m² (dài 35,0m x rộng 16,0m); Trạm cân điện tử 80T, diện tích 48 m².

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: 01 hồ lắng thể tích 1.600m³ (dài 40,0m x rộng 20,0m x cao 2m).

- Ngoài ra để phục vụ quá trình khai thác, Công ty sử dụng các công trình trên khu vực đất thuê thêm (không thuộc phạm vi Dự án) gồm: Khu nhà điều hành (bao gồm nhà ở công nhân, bếp nấu + nhà ăn, nhà tắm + nhà vệ sinh) diện tích 60m²; Bể tự hoại 03 ngăn thể tích 5,0 m³; kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10m².

b. Các công trình xây dựng mới

- Nhà điều hành dạng thùng container di động, diện tích 15,25 m² (dài 6,1m x rộng 2,5m x cao 2,58m).

- Xây dựng tường bao bãi thải dài 92 m (đáy lớn rộng 0,8m, đáy bé rộng 0,6m, cao 1,0 m).

- Xây dựng tường kè hồ lắng bằng đá hộc dài 70m (sâu 2m, đáy lớn 0,8m, đáy bé 0,2m).

- Xây dựng rãnh thoát nước xung quanh khu vực khai thác có chiều dài 173m, chiều rộng 1,2m, sâu 0,8m;

- Xây dựng khu vực rửa xe diện tích 12 m² (dài 4m x rộng 3m).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

Các hoạt động của Dự án gồm xây dựng các công trình phục vụ khai thác, xúc bóc, vận chuyển; hoạt động của các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Quá trình xây dựng cơ bản làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công xây dựng cơ bản mở.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các thiết bị xúc bốc, gạt làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,4 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải từ quá trình rửa xe, vệ sinh thiết bị khoảng 3,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh: khoảng 2.101,7 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bùn đất, TSS.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Do các hoạt động sinh hoạt diễn ra tại khu vực đất thuê thêm nằm ngoài khu vực mỏ nên nhu cầu sử dụng nước tại mỏ cho công nhân chủ yếu là nước rửa tay chân phát sinh khoảng 0,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất khoảng 1.435,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bùn đất, TSS.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh do hoạt động thi công xây dựng (đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc, vận tải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, NO_x, SO₂.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 8,0 kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng cơ bản mở. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, vỏ chai, túi nilong.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đất thải phát sinh từ quá trình thi công đào rãnh thoát nước, xây dựng tường kê hồ lắng, tường bao bãi thải,... khoảng 80,04 m³.

+ Chất thải rắn xây dựng: Bao bì xi măng khoảng 0,3 tấn; đất đá, bê tông thải trong quá trình xây dựng khoảng 1,8 tấn.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, chai nhựa, túi nilong.

- Đất bóc phủ bề mặt phát sinh trong quá trình khai thác khoảng 1.130 m³/năm.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang cây cối, thảm thực vật 25 m³/năm.

3.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Phát sinh lớn nhất khoảng 42 lít/năm (khi xảy ra sự cố hư hỏng máy móc). Thành phần chủ yếu: dầu thải.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 03 kg/tháng từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,...

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Phát sinh lớn nhất khoảng 147 lít/năm (khi xảy ra sự cố hư hỏng máy móc). Thành phần chủ yếu: dầu thải.

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 02 kg/tháng từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,...

3.5. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.

- Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ thiết bị bốc xúc và phương tiện vận chuyển.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn thực hiện của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải rửa tay chân phát sinh từ hoạt động rửa chân tay được xử lý sơ qua hệ thống thu gom, song chắn rác (khu vực đất thuê thêm ngoài phạm vi Dự án) trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) được thu gom xử lý bằng bể tự hoại, thể tích 5,0 m³ tại khu vực đất thuê thêm ngoài phạm vi Dự án.

- Nước thải từ quá trình xây dựng, vệ sinh máy móc được thu gom, dẫn về 01 hồ lắng có thể tích 4,0 m³/bể (thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm; trong bể có bố trí 01 phao quay thu vớt dầu); nước thải sau khi lắng được dẫn ra hệ thống thoát nước chung khu vực; vớt dầu thu gom, lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án.

- Nước mưa chảy tràn, nước thải thi công được thu vào các rãnh thoát nước (kích thước 173m x 0,8m x 0,2m), dọc các tuyến đường về hồ lắng để lắng trước khi thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải rửa tay chân phát sinh từ hoạt động rửa chân tay được xử lý sơ qua hệ thống thu gom, song chắn rác (khu vực đất thuê thêm ngoài phạm vi Dự án) trước khi chảy ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) được thu gom xử lý bằng bể tự hoại, thể tích 5,0 m³ tại khu vực đất thuê thêm ngoài phạm vi Dự án.

- Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe dẫn về 01 hồ lắng có thể tích 4,0 m³/bể (thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm); nước thải sau hồ lắng được dẫn hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Nước từ moong khai thác được thu gom dẫn về hồ lắng có thể tích 1.600m³ để lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, (cột B) trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

Quy trình: Nước mưa → mương thoát nước → hồ lắng → nguồn tiếp nhận (Mương thoát nước chung của khu vực).

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất tối thiểu 04 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản khi để xảy ra rơi vãi nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

- Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

- Trồng bổ sung cây dọc tuyến đường nội mô.

4.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất tối thiểu 04 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô và khi phát sinh bụi.

- Duy trì dải cây xanh, trồng dặm tại các khu vực đã trồng cây từ giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn khai thác trước đây.

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Bố trí khu vực rửa xe vận chuyển ra vào dự án tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp, các xe vận chuyển được rửa lớp bánh xe trước khi ra khỏi Dự án.

- Các phương tiện vận chuyển được che phủ bạt; vận chuyển theo đúng tải trọng cho phép; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ khi để xảy ra rơi vãi nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

- Hạn chế tối đa vận chuyển đất vào khung giờ cao điểm (giờ đi/tan học của học sinh, công nhân; khai thác và vận chuyển vào đêm,...).

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 04 thùng rác loại 60 lít/thùng đặt tại khu vực nhà điều hành, khu vực nhà ăn, nhà bếp (tại khu vực đất thuê thêm); định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 2 - 3 ngày/lần.

- Sinh khối thực vật phát quang được thu gom, hợp đồng với đơn vị xử lý theo quy định.

- Đất thải: Khối lượng đất thải được vận chuyển về bãi thải sử dụng cải tạo các tuyến đường ngoại mô, tận dụng vận chuyển san lấp.

- Chất thải xây dựng:

+ Bao bì xi măng sẽ được bán cho cơ sở thu gom bán phế liệu.

+ Đất đá, bê tông thải trong quá trình xây dựng sẽ được chủ đầu tư sử dụng để san lấp tại khu vực dự án.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào 04 thùng rác loại 60 lít/thùng đặt tại khu vực nhà điều hành, khu

vực nhà ăn, nhà bếp (tại khu vực đất thuê thêm); định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 2 - 3 ngày/lần.

- Đất bóc phủ được lưu trữ toàn bộ tại bãi chứa đất phủ với diện tích 560m²; tường cao 1m; khi đổ thải được lu lèn tạo độ chặt với hệ số k=0,85. Đất bóc tầng phủ được lưu giữ phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường.

4.3.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TTBTNMT).

4.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng, vận hành Dự án:

Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, thu gom, chứa trong các thùng chứa chuyên dụng thùng 100 lít (2 thùng chứa CTNH lỏng và 1 thùng chứa CTNH rắn) có nắp đậy và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m² (đặt tại khu vực đất thuê thêm); hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

4.5.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

- Lắp đệm cao su chống ồn, chống rung tại các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung, hộp dầu giảm chấn,...

4.5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh khu vực khai thác, tuyến đường vận tải.

4.5.3. *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.6.1. *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản:*

a. *Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:*

- Khu vực moong khai thác:

+ Di chuyển Nhà điều hành dạng thùng container; tháo dỡ tường bao bãi thải, tường kè hồ lắng, mương rãnh thoát nước, trạm cân, khu vực rửa lốp bánh xe,...

+ Củng cố bờ moong khai thác; trồng keo tai tượng Úc mái taluy bờ đai bảo vệ.

+ San lấp hồ lắng; các hố thu gom, xử lý nước thải;

+ San gạt toàn bộ mặt bằng đáy moong khai thác, đào hố trồng cây keo lai với mật độ 1.660 cây/ha.

- Khu vực xung quanh: Cải tạo tuyến đường vận tải; trồng cây keo lai với mật độ 1.660 cây/ha hai bên lề tuyến đường vận tải; nạo vét rãnh thoát nước hai bên lề tuyến đường vận tải; tu sửa lu lèn lại mặt đường.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Khu vực moong khai thác		
1	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7 x 0,7 x 0,7m	cái	15,00
2	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	15,00
3	Đào mương thoát nước	100m ³	7,0848
4	San gạt mặt bằng moong khai thác	100m ³	117,636
5	Bạt mái taluy đai bảo vệ	100m ³	15,788
6	Vận chuyển đất màu	100m ³	2,465
7	San gạt đất màu	100m ³	2,465
8	Vận chuyển đất san gạt mặt bằng từ bãi thải	100m ³	117,636
9	Trồng keo tai tượng Úc mái taluy bờ đai bảo vệ	ha	1,58
10	Trồng keo tai tượng Úc khu vực moong khai thác.	ha	3,9212
11	Vận chuyển đổ thải chất thải từ tháo dỡ công trình (Cự ly vận chuyển <= 7km)	100m ³ / 1 km	76,863
12	Lấp hồ lắng, hố thu gom, xử lý nước thải và rãnh thoát nước	100m ³	17,70

13	Phá dỡ tường kè hồ lắng, tường kè bãi thải, khu vực rửa lốp bánh xe	m ³	76,863
14	Tháo dỡ trạm cân	Công	1,00
15	Di chuyển máy móc, thiết bị, trạm cân, nhà điều hành container	ca xe	2,00
II	Khu vực xung quanh		
1	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,816
2	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ²	25,20

b. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: **395.968.841 đồng**.

+ Hiện tại Công ty TNHH một thành viên DHT đã thực hiện đóng tiền ký quỹ bảo vệ môi trường với tổng số tiền là: **312.316.709 đồng** (Theo Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường ngày 13/11/2024 của Giám đốc Quỹ BVMT Thanh Hóa).

+ Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường còn lại công ty phải thực hiện ký quỹ: $395.968.841 - 312.316.709 = 83.652.132$ đồng.

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau: Số lần ký quỹ 02 (hai) lần, cụ thể:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (25%): 20.913.033 đồng (*Hai mươi triệu chín trăm mười ba nghìn không trăm ba mươi ba đồng*); Thời điểm ký quỹ: Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

+ Số tiền ký quỹ lần thứ 2: 62.739.099 đồng (*Sáu mươi hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn không trăm chín mươi chín đồng*); Thời điểm ký quỹ: Thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa tính đến yếu tố trượt giá năm tiếp theo sau năm 2024. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Chủ dự án tự kê khai và nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của Dự án.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường - Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa.

4.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở (nhất là sau các trận mưa lớn).

- Công tác phòng chống mưa bão: lập kế hoạch chống bão trong sản xuất kinh doanh, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áp phao, dây neo, áo quần đi mưa...

- Lập phương án phòng ngừa sự cố liên quan tới vỡ/tràn hồ lắng, trượt lở moong khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống khe hoặc mương thoát nước, hệ thống công tránh hiện tượng bồi lắng đất ở cửa và trong lòng khe, mương, cống; thường xuyên nạo vét hồ lắng.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, định kỳ tiến hành kiểm tra trình độ, kiến thức về an toàn lao động.

- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.

- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của

Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng ngừa, ứng cứu sự cố sụt lở, sự cố thiên tai, cháy nổ, tai nạn lao động, rủi ro, sự cố môi trường; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.